

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08 - 09
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 34

035
ÔN
TN
TOÁI
SMVI
T.P

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là Tập đoàn) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Ngô Văn Ích	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Phạm Minh Trung	Thành viên
Ông Võ Quang Long	Thành viên
Ông Đào Duy Hải	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Bà Hà Kiết Trần	Trưởng ban
Ông Phạm Văn Dũng	Thành viên
Ông Phan Nguyễn Anh Thắng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vĩnh Thuần	Phó Tổng Giám đốc (về hưu từ tháng 07/2018)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hương

Tổng Giám đốc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Số: 18.342HN/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
 Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
 CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 20 tháng 03 năm 2018 từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bàn thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0425-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2018

HUỲNH THỊ NGỌC TRINH

Kiểm toán viên

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
2124-2018-026-1



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHÁT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHÁT

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		332.577.574.211	308.853.160.003
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(4.1)	48.493.055.830	27.902.299.558
1. Tiền	111		9.831.951.130	7.742.854.151
2. Các khoản tương đương tiền	112		38.661.104.700	20.159.445.407
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(4.2)	44.237.541.700	59.968.092.300
1. Chứng khoán kinh doanh	121		534.938.322	534.938.322
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(195.930.022)	(266.846.022)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		43.898.533.400	59.700.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.422.629.556	6.232.627.552
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(4.3)	1.379.772.047	1.417.491.379
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		692.089.400	1.093.692.200
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(4.4)	3.738.554.392	3.994.195.833
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(4.6)	(387.786.283)	(272.751.860)
IV. Hàng tồn kho	140		234.102.679.891	214.250.382.769
1. Hàng tồn kho	141	(4.7)	234.102.679.891	214.250.382.769
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		321.667.234	499.757.824
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		79.489.221	158.176.679
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	(4.12)	226.137.329	221.711.836
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	(4.12)	16.040.684	119.869.309
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		31.101.118.497	41.233.512.894
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		20.175.368.500	28.539.301.900
1. Phải thu dài hạn khác	216	(4.5)	20.175.368.500	28.539.301.900
II. Tài sản cố định	220		2.853.145.919	3.298.372.427
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(4.9)	2.853.145.919	3.298.372.427
Nguyên giá	222		5.705.294.426	5.705.294.426
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.852.148.507)	(2.406.921.999)
III. Bất động sản đầu tư	240	(4.10)	5.568.907.967	7.126.437.407
1. Nguyên giá	241		23.369.528.709	23.369.528.709
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(17.800.620.742)	(16.243.091.302)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	(4.8)	351.238.191	351.238.191
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		351.238.191	351.238.191
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	(4.2)	2.100.000.000	1.800.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.800.000.000	1.800.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		300.000.000	
VI. Tài sản dài hạn khác	260		52.457.920	118.162.969
1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		52.457.920	118.162.969
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		363.678.692.708	350.086.672.897

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2017

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		298.960.803.509	287.132.244.444
I. Nợ ngắn hạn	310		266.407.121.226	244.660.501.741
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(4.11)	1.067.758.233	590.463.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		309.166.000	897.807.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(4.12)	1.151.708.306	7.756.381.303
4. Phải trả người lao động	314	(4.13)	1.867.178.048	1.342.103.287
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(4.14)	38.510.255.874	19.073.891.088
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			30.420.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	(4.15)	27.157.426.284	18.191.274.615
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(4.16)	195.803.478.455	195.803.478.455
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(4.17)	540.150.026	974.682.993
II. Nợ dài hạn	330		32.553.682.283	42.471.742.703
1. Phải trả dài hạn khác	337	(4.15)	32.553.682.283	41.776.742.703
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			695.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		64.717.889.199	62.954.428.453
I. Vốn chủ sở hữu	410	(4.18.1)	64.717.889.199	62.954.428.453
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(4.18.2)	30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		21.712.306.946	21.712.306.946
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.005.582.253	11.242.121.507
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		5.947.121.507	4.791.348.157
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.058.460.746	6.450.773.350
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		363.678.692.708	350.086.672.897



Phê duyệt

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Tổng Giám đốc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Lê Tân Tài
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHÁT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHÁT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(5.1)	54.820.950.567	83.789.727.268
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		54.820.950.567	83.789.727.268
4. Giá vốn hàng bán	11	(5.2)	43.885.908.997	72.176.719.343
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.935.041.570	11.613.007.925
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(5.3)	9.987.456.694	10.140.566.017
7. Chi phí tài chính	22	(5.4)	(30.215.283)	247.728.238
Trong đó, chi phí lãi vay	23			2.183.000
8. Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25	(5.5)	824.203.396	74.348.763
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(5.6)	11.175.758.770	11.908.242.828
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.952.751.381	9.523.254.113
12. Thu nhập khác	31		155.095.700	5.239.950
13. Chi phí khác	32		774.372.538	29.374.000
14. Lợi nhuận khác	40		(619.276.838)	(24.134.050)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.333.474.543	9.499.120.063
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(5.8)	1.809.308.748	2.100.509.682
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		65.705.049	(118.162.969)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.458.460.746	7.516.773.350
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		6.458.460.746	7.516.773.350
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62			
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(4.18.4)	2.153	2.085
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(4.18.4)	2.153	2.085

Phê duyệt

Nguyễn Thị Thu Hương
Tổng Giám đốc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Người lập

Lê Tân Tài
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(*Theo phương pháp gián tiếp*)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.333.474.543	9.499.120.063
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02	(5.7)	2.002.755.948	1.994.422.612
Các khoản dự phòng	03		44.118.423	192.953.190
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.357.735)	1.275.980
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.972.610.421)	(10.044.861.767)
Chi phí lãi vay	06			2.183.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		406.380.758	1.645.093.078
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7.983.602.147	6.855.360.620
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(19.852.297.122)	(214.250.382.769)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		9.795.765.833	20.133.936.403
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		78.687.458	107.726.454
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			6.500.976
Tiền lãi vay đã trả	14			(2.183.000)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.12)	(2.097.542.549)	(1.300.474.666)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			80.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(629.532.967)	(1.572.665.333)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.314.936.442)	(188.297.088.237)
II. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(62.500.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(23.700.000.000)	(72.125.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		40.200.000.000	51.725.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.149.070.395	9.013.290.563
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		26.649.070.395	(11.449.209.437)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIẾU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
III. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		500.000.000	196.828.478.455
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(500.000.000)	(2.281.500.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.744.440.000)	(54.610.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.744.440.000)	194.492.368.455
LƯU CHUYÊN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		20.589.693.953	(5.253.929.219)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		27.902.299.558	33.148.772.237
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.062.319	7.456.540
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	(4.1)	48.493.055.830	27.902.299.558



Nguyễn Thị Thu Hương

Tổng Giám đốc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Phê duyệt

Người lập

Lê Tấn Tài
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
Mẫu số B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước Công ty Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn theo Quyết định số 5134/QĐ-UBND ngày 05/10/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần 3 số 0301055612 ngày 24 tháng 01 năm 2013 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.000.000.000 VND, chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn Kim	9.826.540.000	32,76%	-	-
Ông Võ Quang Long	9.826.530.000	32,76%	-	-
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	7.930.000.000	26,43%	7.930.000.000	26,43%
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	-	-	4.500.000.000	15,00%
Các cổ đông khác	2.416.930.000	8,05%	17.570.000.000	58,57%
Cộng	30.000.000.000	100,00%	30.000.000.000	100,00%

Theo thông báo số 7679/UBCK-GSĐC của Ủy ban chứng khoán Nhà nước ngày 13/11/2017, Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã thông báo hủy đăng ký công ty đại chúng đối với Công ty kể từ ngày 20/10/2017 do không còn đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng. Ngày 20/11/2017, VSD đã có văn bản 3010/TB-VSD thông báo chấp thuận Công ty rút khỏi đăng ký chứng khoán tại VSD kể từ ngày 04/12/2017.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có đầu tư vào các công ty con như được trình bày tại mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty gọi chung là Tập đoàn).

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 38 người (31/12/2016: 60 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ đa ngành; dịch vụ tiếp thị bia.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Dịch vụ tiếp thị bia;
- Các hoạt động liên quan đến bất động sản, kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê (trừ cho thuê đất), cho thuê nhà ở, cho thuê nhà phục vụ cho mục đích kinh doanh (văn phòng làm việc, ki-ốt, trung tâm thương mại);
- Cho thuê kho, bãi đậu xe;
- Dịch vụ nhà đất.
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Điều hành tour du lịch;
- Vận tải hành khách bằng xe khách nội địa liên tỉnh;
- Khách sạn, nhà hàng, quán ăn (không hoạt động tại trụ sở);
- Đại lý bán vé máy bay;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: tư vấn giáo dục, du học;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên;
- Giáo dục khác: Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và 3 công ty con trực tiếp.

1.6. Các công ty con được hợp nhất

Các công ty con trực tiếp:

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Du Lịch	Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Nhân Lực	Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%
3.	Công ty TNHH MTV Sài Gòn Kinh Thương	Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%

Công ty TNHH MTV Sài Gòn Kinh Thương do điều kiện hoạt động kinh tế khó khăn nên đã ngưng hoạt động từ ngày 31/12/2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua/bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4. Đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm: Giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tồn thắt đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tồn thắt đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Giá trị xây dựng các dự án được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng tồn kho bao gồm tiền thuê đất, chi phí thăm dịnh dự án, chi phí lãi vay được vốn hóa và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết tính giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2017</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	08 năm
▪ Tài sản cố định hữu hình khác	05 năm

3.8. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo cách phân loại tài sản của Tập đoàn.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tập đoàn không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

	<u>Năm 2017</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 13 năm
▪ Máy móc thiết bị	08 - 10 năm
▪ Bất động sản đầu tư khác	10 năm

3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc:
Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư các pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Trong năm 2017, Công ty tiến hành phân phối lợi nhuận căn cứ theo Điều lệ của Công ty đối với tỷ lệ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 05/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 12 năm 2017, cụ thể như sau:

- Quỹ khen thưởng phúc lợi trích lập 15% trên lợi nhuận sau thuế;
- Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành Công ty trích lập 15% lợi nhuận hợp nhất sau thuế vượt kế hoạch;
- Chia cổ tức năm 2016 với tỷ lệ 15% trên mệnh giá cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.13. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ, chủ yếu là chi phí hoa hồng cho người môi giới khách du lịch.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khẩu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, báo cáo giám sát bảo vệ môi trường...); chi phí băng tiền khác (tiếp khách, công tác, tiền thuê đất...).

3.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế là 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

3.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÀNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	319.660.451	378.394.220
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.512.290.679	7.364.459.931
Các khoản tương đương tiền (*)	38.661.104.700	20.159.445.407
Cộng	48.493.055.830	27.902.299.558

(*) Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND			Tại ngày 01/01/2017 VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư cổ phiếu:						
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành	169.179.000	68.653.100	(100.525.900)	169.179.000	50.073.100	(119.105.900)
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Á Châu	134.827.022	97.416.000	(37.411.022)	134.827.022	42.240.000	(92.587.022)
Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước Giải Khát Sài Gòn	140.000.000	498.600.000	-	140.000.000	395.400.000	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa	59.389.600	23.520.000	(35.869.600)	59.389.600	26.160.000	(33.229.600)
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	26.723.500	4.600.000	(22.123.500)	26.723.500	4.800.000	(21.923.500)
Cổ phiếu Công ty Cổ phần in sách giáo khoa Hòa Phát	4.819.200	10.800.000	-	4.819.200	18.000.000	-
Cộng	534.938.322	-	(195.930.022)	534.938.322	-	(266.846.022)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại từ 3 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 6,1%/năm đến 7,2%/năm.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn là khoản tiền gửi tại ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp.HCM có kỳ hạn từ ngày 22/11/2017 đến ngày 22/11/2020 với lãi suất 6,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017			Tại ngày 01/01/2017		
	VND	Giá gốc	Giá trị hợp lý	VND	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa (*)	1.800.000.000	-	1.800.000.000	-	1.800.000.000	-

Đầu tư vào đơn vị khác:

Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa (*) 1.800.000.000

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(*) Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu Tư Căn Hộ Xanh CT - Đầu Khí (CT Green) từ ngày 18/10/2016. Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa với tỷ lệ vốn góp 1,55% - Xem thêm mục 9.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công ty TNHH Du lịch Japan	355.536.853	-
Dịch vụ xuất khẩu lao động	231.250.000	231.250.000
Công ty TNHH Vostock-1	189.534.800	189.534.800
Nghiệp đoàn Chushikoku Nosuisan Syikuhin		
Kyodo Kumiai	147.129.360	101.351.520
Các khách hàng khác	456.321.034	895.355.059
Cộng	1.379.772.047	1.417.491.379

4.4. Phải thu khác ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa phần lợi nhuận năm 2017 của dự án 259 Điện Biên Phủ	1.250.000.000	-	2.000.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi, lãi ký quỹ	1.429.306.959	-	1.854.300.333	-
Ký quỹ của người lao động đi nước ngoài (*)	889.050.000	-	-	-
Phải thu người lao động	16.500.000	-	69.995.500	-
Ký cược, ký quỹ	6.000.000	-	6.000.000	-
Phải thu khác	147.697.433	(60.475.973)	63.900.000	-
Cộng	3.738.554.392	(60.475.973)	3.994.195.833	-

(*) Ký quỹ của người lao động đi nước ngoài là khoản tiền thu ký quỹ xuất khẩu của người lao động đi nước ngoài theo qui định tại Thông tư 21/2013/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 10 năm 2013 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2013 và được gửi tại Ngân hàng TMCP Nam Á theo hợp đồng ký quỹ số 01HDKQ/NAB-SPSC ngày 12 tháng 03 năm 2014.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.5. Phải thu khác dài hạn

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND	Giá trị	VND	Giá trị
Đặt cọc tiền thuê nhà: Số 28 Võ Trường Toản, phường An Phú, Quận 2, TP.HCM	12.085.368.500	-	12.876.491.900	-
Số B2-201 Tháp Boulevard, City Garden Số 16 Phùng Khắc Hoan, phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM	11.980.368.500	-	12.771.491.900	-
Ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án 259 Điện Biên Phủ, phường 7, Quận 3	55.000.000	-	55.000.000	-
Ký quỹ tại Ngân hàng Đông Á để xin giấy phép cho thuê lại lao động	50.000.000	-	50.000.000	-
Ký quỹ hoạt động xuất khẩu lao động cho Công ty	4.590.000.000	-	5.814.000.000	-
Ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Ký quỹ của người lao động đi nước ngoài	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Cộng	500.000.000	-	500.000.000	-
	<u>20.175.368.500</u>	<u>-</u>	<u>28.539.301.900</u>	<u>-</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	490.848.873	103.062.590	410.306.600	137.554.740

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết
như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND			Tại ngày 01/01/2017 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Vostock-1	189.534.800	-	Phá sản	189.534.800	-	Phá sản
Nghiệp đoàn Chushikoku Nosuisan	145.570.500	84.621.150	Từ 6 tháng - 2 năm	107.289.000	89.525.160	Từ 6 tháng - 1 năm
Syikuhin Kyodo Kumiai Võ Đông Hải	60.475.973	-	Trên 3 năm	-	-	-
Công ty Cổ phần Katsuma	17.474.400	8.737.200	Từ 1 năm - 2 năm	19.323.000	13.526.100	Từ 6 tháng - 1 năm
Nghiệp đoàn Ajia Kensetsu Keizi Kyryu	13.863.200	9.704.240	Từ 6 tháng - 1 năm	-	-	-
Kyodo Kumiai	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại	10.380.000	-	Trên 3 năm	-	-	-
Phú Gia Việt Nam	-	-	-	-	-	-
Các đối tượng khác	53.550.000	-	Trên 3 năm	94.159.800	34.503.480	Trên 3 năm
Cộng	490.848.873	103.062.590		410.306.600	137.554.740	

4.7. Hàng tồn kho

Là các khoản chi phí xây dựng dự án căn hộ cao cấp tại khu đất 259 Điện Biên Phủ, Phường 7,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chi tiết như sau:

STT	Nội dung	Số tiền
1.	Tiền thuê đất	195.848.933.000 (*)
2.	Chi phí lãi vay dự án	38.018.508.736
3.	Chi phí thẩm định dự án	235.238.155
	Cộng	234.102.679.891

(*) Tiền thuê đất được ghi nhận căn cứ vào thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8981/TB-CT-KTTĐ
ngày 14/08/2014 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Xây dựng cơ bản dở dang:		
Công trình 20-22-24 Nguyễn Thị Nhỏ	224.246.809	224.246.809
Công trình 223 Bến Bình Đông	126.991.382	126.991.382
Cộng	351.238.191	351.238.191

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2017	2.660.293.209	2.950.179.992	94.821.225	5.705.294.426
Tại ngày 31/12/2017	2.660.293.209	2.950.179.992	94.821.225	5.705.294.426
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2017	1.143.926.076	1.226.508.030	36.487.893	2.406.921.999
Khấu hao trong năm	106.411.728	326.314.776	12.500.004	445.226.508
Tại ngày 31/12/2017	1.250.337.804	1.552.822.806	48.987.897	2.852.148.507
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2017	1.516.367.133	1.723.671.962	58.333.332	3.298.372.427
Tại ngày 31/12/2017	1.409.955.405	1.397.357.186	45.833.328	2.853.145.919

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 371.983.035 VND.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2017 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 31/12/2017 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê:				
Nguyên giá:				
Nhà cửa, vật kiến trúc	15.588.307.115	-	-	15.588.307.115
Cơ sở hạ tầng	7.781.221.594	-	-	7.781.221.594
Cộng	<u>23.369.528.709</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>23.369.528.709</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Nhà cửa, vật kiến trúc	10.298.283.072	1.063.978.536	-	11.362.261.608
Cơ sở hạ tầng	5.944.808.230	493.550.904	-	6.438.359.134
Cộng	<u>16.243.091.302</u>	<u>1.557.529.440</u>	<u>-</u>	<u>17.800.620.742</u>
Giá trị còn lại:				
Nhà cửa, vật kiến trúc	5.290.024.043			4.226.045.507
Cơ sở hạ tầng	1.836.413.364			1.342.862.460
Cộng	<u>7.126.437.407</u>			<u>5.568.907.967</u>

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê là 7.678.763.816 VND.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND	Giá trị	VND	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Cheng An	375.747.400	375.747.400	-	-
Công ty TNHH Hà Nội Sài Gòn Global	295.400.000	295.400.000	-	-
Công ty TNHH Japan Tourist	165.365.800	165.365.800	179.611.000	179.611.000
Công ty TNHH Liên kết Việt Nhật	134.324.533	134.324.533	165.000.000	165.000.000
Phải trả cho các đối tượng khác	96.920.500	96.920.500	245.852.000	245.852.000
Cộng	<u>1.067.758.233</u>	<u>1.067.758.233</u>	<u>590.463.000</u>	<u>590.463.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2017		Trong năm		Tại ngày 31/12/2017	
	VND	Phải nộp	VND	Đã nộp	VND	Phải thu
Thuế giá trị tăng	221.711.836	199.510.503	2.518.474.426	(2.513.562.292)	226.137.329	208.848.130
Thuế thu nhập doanh nghiệp	119.869.309	1.071.534.648	1.854.706.788	(2.097.542.549)	16.040.684	724.870.262
Thuế thu nhập cá nhân	-	152.374.414	620.242.519	(639.001.522)	-	133.615.411
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	6.266.650.000	607.027.648	(6.819.857.563)	-	53.820.085
Thuế môn bài	-	66.311.738	10.000.000	(10.000.000)	-	-
Các khoản phí, lệ phí	-	-	1.529.626.642	(1.565.383.962)	-	30.554.418
Các loại thuế khác	-	-	337.865.286	(337.865.286)	-	-
Cộng	341.581.145	7.756.381.303	7.477.943.309	(13.983.213.174)	242.178.013	1.151.708.306

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.13. Phải trả người lao động

Là lương bổ sung còn phải trả cho người lao động.

4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Lãi vay dự án	38.018.508.736	18.166.211.614
Chi phí thuê đất	395.009.432	851.679.474
Các khoản trích trước khác	96.737.706	56.000.000
Cộng	38.510.255.874	19.073.891.088

4.15. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Phải trả lao động đi nước ngoài (*)	11.326.576.454	11.679.044.431
Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa	9.273.675.381	4.368.914.156
Các khoản thanh toán theo Phụ lục 03 của Hợp đồng số 13/2009/S.P.S.C_C.T Group - Xem thêm mục 9	3.768.914.156	3.768.914.156
Tiền thu hộ liên quan đến dự án 259 Điện Biên Phủ, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh	5.504.761.225	600.000.000
Cỗ tức phải trả	4.502.850.000	1.747.290.000
Cỗ tức phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 6	4.137.460.500	-
Cỗ tức phải trả cho các đối tượng khác	365.389.500	1.747.290.000
Nhận ký quỹ, ký cược (**)	1.584.050.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	470.274.449	396.026.028
Cộng	27.157.426.284	18.191.274.615

Dài hạn:

Nhận đặt cọc tiền thuê nhà	32.433.682.283	35.208.082.703
Số 28 Võ Trường Toản, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh	32.246.682.283	35.021.082.703
Số 20 Nguyễn Thị Nhỏ, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh	82.000.000	82.000.000
Số 429 Trần Hưng Đạo, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh	20.000.000	20.000.000
Số 252 Hải Thượng Lãn Ông, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh	30.000.000	30.000.000
Số B2-201 City Garden, 59 Ngõ Tát Tô, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	55.000.000	55.000.000
Ký quỹ xuất khẩu lao động của người lao động đi nước ngoài	-	6.348.660.000
Nhận đặt cọc hợp tác kinh doanh	120.000.000	220.000.000
Số 8-10 Châu Văn Liêm, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh	120.000.000	100.000.000
Số 223 Bến Bình Đông, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh	-	120.000.000
Cộng	32.553.682.283	41.776.742.703

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(*) Phải trả lao động đi nước ngoài là các khoản tiền mà Công ty đã thu ký quỹ xuất khẩu của người lao động đăng ký làm việc tại Nhật Bản và tiền lãi phải trả. Các khoản tiền này hiện đang được gửi thành các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngân hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn và ngân hàng TMCP Nam Á.

(**) Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn là các khoản tiền thu ký quỹ xuất khẩu của người lao động đi nước ngoài theo qui định tại Thông tư 21/2013/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 10 năm 2013 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2013.

4.16. Vay ngắn hạn

Vay ngắn hạn là khoản vay Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa theo hợp đồng vay vốn số 126/HĐV/CT Green, ngày 19 tháng 12 năm 2014 để Tập đoàn nộp tiền sử dụng đất cho khu đất 259 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh với lãi suất 10%/năm.

4.17. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Số dư đầu năm	974.682.993	1.148.425.626
Trích lập trong năm	195.000.000	1.066.000.000
Tăng khác	-	80.000.000
Sử dụng trong năm	(629.532.967)	(1.319.742.633)
Cộng	540.150.026	974.682.993

4.18. Vốn chủ sở hữu

4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	30.000.000.000	22.084.803.063	6.542.695.718	58.627.498.781
Lãi trong năm trước	-	-	7.516.773.350	7.516.773.350
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.066.000.000)	(1.066.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(1.800.000.000)	(1.800.000.000)
Hoàn nhập Quỹ Dự phòng tài chính đã trích năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016	-	(372.496.117)	372.496.117	-
Giảm khác	-	-	(323.843.678)	(323.843.678)
Tại ngày 01/01/2017	30.000.000.000	21.712.306.946	11.242.121.507	62.954.428.453
Lãi trong năm nay	-	-	6.458.460.746	6.458.460.746
Trích quỹ khen thưởng	-	-	(195.000.000)	(195.000.000)
Ban điều hành	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Tại ngày 31/12/2017	30.000.000.000	21.712.306.946	13.005.582.253	64.717.889.199

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn Kim	9.826.540.000	-
Ông Võ Quang Long	9.826.530.000	-
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	7.930.000.000	7.930.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	-	4.500.000.000
Các cổ đông khác	2.416.930.000	17.570.000.000
Cộng	30.000.000.000	30.000.000.000

4.18.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	3.000.000	3.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.18.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.458.460.746	7.516.773.350
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(1.066.000.000)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	(195.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	6.458.460.746	6.255.773.350
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.153	2.085

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu trong năm chưa bao gồm số trích quỹ khen thưởng Ban điều hành ước tính sẽ trích cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

4.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
Ngoại tệ các loại: USD	27.504,25	27.553,83

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu dịch vụ du lịch	31.877.549.601	13.339.930.500
Doanh thu dịch vụ cho thuê nhà mặt bằng và dịch vụ ủy thác nhà	21.776.732.374	22.547.095.507
Doanh thu dịch vụ giới thiệu việc làm và cung ứng lao động	1.166.668.592	47.902.701.261
Cộng	54.820.950.567	83.789.727.268

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn dịch vụ du lịch	29.344.546.907	12.480.862.228
Giá vốn dịch vụ cho thuê nhà mặt bằng và dịch vụ ủy thác nhà	13.915.306.588	15.167.974.784
Giá vốn dịch vụ giới thiệu việc làm và cung ứng lao động	626.055.502	44.527.882.331
Cộng	43.885.908.997	72.176.719.343

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận nhận được từ dự án 259 Điện Biên Phủ - Xem thêm mục 9	5.000.000.000	6.000.000.000
Lãi tiền gửi	4.939.015.643	4.010.655.886
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.754.500	9.151.500
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	14.846.273	7.406.568
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	88.297.682
Doanh thu hoạt động tài chính khác	24.840.278	25.054.381
Cộng	9.987.456.694	10.140.566.017

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Dự phòng đầu tư tài chính	-	182.428.410
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(70.916.000)	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	38.630.186	46.421.518
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.942.366	14.053.548
Chi phí lãi vay	-	2.183.000
Lỗ do bán chứng khoán	-	2.531.236
Chi phí tài chính khác	128.165	110.526
Cộng	(30.215.283)	247.728.238

5.5. Chi phí bán hàng

Chủ yếu là chi phí hoa hồng cho người môi giới khách du lịch.

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.396.250.921	7.719.164.920
Chi phí vật liệu quản lý	68.610.798	64.625.089
Chi phí đồ dùng văn phòng	12.043.183	16.039.093
Chi phí khấu hao tài sản cố định	338.814.780	436.893.172
Thuế, phí và lệ phí	26.809.451	24.178.323
Chi phí dự phòng	115.034.423	10.524.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.531.499.508	1.308.353.023
Chi phí bằng tiền khác	1.686.695.706	2.328.464.428
Cộng	11.175.758.770	11.908.242.828

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	93.530.633	84.378.627
Chi phí nhân công	8.588.373.356	52.543.576.851
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.002.755.948	1.994.422.612
Chi phí dự phòng	115.034.423	10.524.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.266.865.731	26.522.988.157
Chi phí khác bằng tiền	2.925.722.800	3.003.419.907
Cộng	55.992.282.891	84.159.310.934

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.809.308.748	2.100.509.682
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.809.308.748	2.100.509.682

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	8.333.474.543	9.499.120.063
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	924.249.229	1.012.579.846
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(211.180.032)	(9.151.500)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	9.046.543.740	10.502.548.409
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.809.308.748	2.100.509.682

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế không được xem là chi phí được khấu trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp như: Chi phí không có đầy đủ hóa đơn chứng từ; thù lao trả cho thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp tham gia điều hành hoạt động kinh doanh theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, chi phí khấu hao TSCĐ không sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí phạt,...

Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế là các khoản thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn sau khi bên nhận góp vốn đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và một số khoản khác.

6. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

1. Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn Kim
2. Ông Võ Quang Long
3. Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn
4. Công ty TNHH MTV Sài Gòn Kinh Thương
5. Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn Du Lịch
6. Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn Nhân Lực
7. Hội đồng quản trị
8. Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

- Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
- Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
- Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
- Công ty con
- Công ty con
- Công ty con
- Nhân sự quản lý chủ chốt
- Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
--	-------------------------------	-------------------------------

Cỗ tức phải trả - Xem thêm mục 4.15:

Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn Kim	1.473.981.000	-
Ông Võ Quang Long	1.473.979.500	-
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	1.189.500.000	-
 Cộng	 4.137.460.500	 -

Thu nhập của các nhân sự quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập của các nhân sự quản lý chủ chốt	3.152.567.955	3.878.184.000
Cỗ tức nhận được	1.403.700.525	1.368.000

7. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2017 VND	Năm 2015 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	102.400.000	82.633.000

8. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm 2016 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2016 VND (Đã được báo cáo trước đây)
--	--	---

Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.085	2.150
---	-------	-------

9. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Các thông tin liên quan đến dự án 259 Điện Biên Phủ

Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 13/2009/S.P.S.C_C.T Group ngày 15/07/2009 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Bất Động Sản CT về việc thành lập Công ty Cổ phần Căn hộ Xanh CT-Dầu khí (CT Green) để thực hiện dự án xây dựng chung cư cao cấp tại khu đất 259 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh, phía Công ty sẽ đứng ra thực hiện các thủ tục pháp lý, nghĩa vụ cần thiết liên quan đến khu đất đến khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sẽ chuyển giao lại mặt bằng khu đất cho CT Green tiếp tục thực hiện dự án. Ngày 18/10/2016, CT Green đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ngày 18/12/2012, hai bên đã ký phụ lục 03/13/2009/PLHĐ/SPSC_C.T Group quy định lợi ích của Công ty trong dự án 259 Điện Biên Phủ như sau:

<u>STT</u>	<u>Thời gian</u>	<u>Lợi nhuận nhận được</u>
1.	Từ năm 2014 - năm 2016	Lợi nhuận cố định mỗi năm là 02 tỷ đồng
2.	Từ năm 2017 - năm 2022	Lợi nhuận cố định mỗi năm là 05 tỷ đồng (*)
3.	Từ năm 2023 đến khi kết thúc dự án	Lợi nhuận theo tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty trong Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa

(*) Trong năm 2017, Công ty đã ghi nhận khoản lợi nhuận năm 2017 với số tiền là 5 tỷ đồng vào kết quả kinh doanh trong kỳ sau khi xác định khả năng tiếp tục được thực hiện dự án.

Ngoài ra Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa sẽ thanh toán thêm cho Công ty một số khoản liên quan đến việc chuyển nhượng dự án như sau:

<u>STT</u>	<u>Nội dung</u>	<u>VND</u>
1.	Lợi thế thương mại của dự án	3.000.000.000
2.	Chi phí thẩm định giá khu đất	235.238.156
3.	Tiền thuê đất năm 2011	533.676.000
Cộng - Xem thêm mục 4.15		3.768.914.156

Tiền thuê đất từ năm 2012 đến năm 2014 của khu đất 259 Điện Biên Phủ sẽ được Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa thanh toán lại cho Công ty căn cứ thông báo của Chi Cục Thuế quận 3.

Đến ngày 31/12/2017, Công ty đã nộp tiền thuê đất với số tiền là 195.848.933.000 đồng căn cứ Quyết định số 3654/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt giá trị đất tại 259 Điện Biên Phủ. Hiện tại Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy phép xây dựng để bàn giao cho Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa theo như thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 13/2009/S.P.S.C_C.T Group nêu trên.

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thị Thu Hương
Tổng Giám đốc
TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Người lập

Lê Tân Tài
Kế toán trưởng